

Bản án số: 31/2023/DS - ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2023
“*V/v: tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phùng Văn Thông, ông Nguyễn Ngọc Triển

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST – DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Việt H, sinh năm 1989, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã CD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: 2.1. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1971, có mặt

2.2. Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1972, có mặt

Đều cư trú: Thôn Đ2, xã CD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Chị Nguyễn Thị Ninh, sinh năm 1992 (vợ anh H), vắng mặt

Nơi cư trú: 07/1085 Ngô Gia Tự, tổ 15, P. Nam Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Hoàng Thị Thuận, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 20, Kh liên kè Bảo Quân, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hoàng Việt H trình bày:

Giữa anh và vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Thị Kh có quan hệ là anh em họ hàng với nhau. Do vậy, vợ chồng ông L đã hỏi vay anh số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay là để lo các chi phí, thủ tục cho con gái của ông bà L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

Ngày 25/04/2021, tại nhà riêng của anh thuộc thôn 3 xã CĐ, hai bên lập giấy tờ với nhau về việc cho vay tiền. Theo đó, anh cho vợ chồng ông L vay 100.000.000đ, thời hạn cho vay là 01 năm, hạn cuối cùng trả nợ là ngày 30/4/2022; lãi suất có thỏa thuận theo quy định của ngân hàng tại thời điểm vay. Các bên đã ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng vay tiền.

Sau khi ký hợp đồng, anh đã chuyển cho vợ chồng ông L số tiền 100.000.000đ; vợ chồng ông L cũng đã sử dụng số tiền trên để lo các chi phí, thủ tục và con gái ông L đã sang Nhật lao động được hơn 07 tháng thì về Việt Nam. Đến hạn 30/4/2022 nH vợ chồng ông L không trả tiền cho anh, mặc dù được đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

Hiện nay anh đang có vợ hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ninh; số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng anh.

Anh H khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Bùi Văn L, bà Lê Thị Kh phải liên đới trả nợ cho vợ chồng anh số tiền là 100.000.000đ
- Anh không yêu cầu trả tiền lãi.
- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Bùi Văn L và bà Lê Thị Kh trình bày:

Vào năm 2021, vợ chồng ông, bà có nhu cầu đưa con gái là Hạnh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên có nhờ anh H giới thiệu hồ sơ, thủ tục đưa con gái ông, bà sang Nhật Bản để làm ăn, phụ giúp kinh tế cho gia đình. Theo thỏa thuận giữa hai bên, công việc của chị Hạnh tại Nhật Bản là sơ chế rau củ, quả với thời hạn hợp đồng lao động 03 năm tại Nhật Bản. Tại thời điểm trên, anh H làm bên tư vấn xuất khẩu lao động. Quá trình làm hồ sơ, anh H có nói với gia đình ông, bà để đưa chị Hạnh đi xuất khẩu lao động phải mất các khoản chi phí làm hồ sơ hết khoảng 120.000.000đ.

Do tin tưởng, anh H có làm Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/4/2021 với thỏa thuận anh H cho vợ chồng ông, bà vay số tiền 100.000.000đ như anh H đã trình bày ở trên; ông bà thừa nhận đã ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng vay tiền. NH số tiền 100.000.000đ thì ông bà không nhận trực tiếp mà ủy quyền luôn cho anh H nộp tiền vào công ty môi giới để làm các thủ tục cho con gái ông bà đi Nhật. Các bên cũng thỏa thuận, con gái ông bà đi làm bên Nhật, có tiền sẽ đem về trả dần hàng tháng cho anh H.

Các khoản chi phí cho chị Hạnh đi xuất khẩu lao động từ chi phí làm giấy khám sức khỏe, chi phí học tiếng, tiền ăn, ở sinh hoạt trước khi đi xuất khẩu lao động, tiền mua con dấu và các khoản chi phí khác là gia đình ông, bà đã bỏ ra, hết khoảng 20.000.000đ.

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát trên toàn thế giới nên đến tháng 6/2022, chị Hạnh mới bay sang Nhật Bản để làm việc nH công việc không đúng như anh H đã tư vấn: bên đó chi phí sinh hoạt đắt đỏ, điều kiện làm việc

vất vả, phải lao động nông nghiệp ngoài trời, khí hậu khắc nghiệt, thu nhập chỉ vào khoảng 16 triệu/01 tháng, con gái ông bà không vượt qua kỳ thi sát hạch ngôn ngữ ... (trong khi anh H tư vấn là làm công nhân chế biến nông sản trong nhà xưởng, thu nhập khoảng 30 triệu/01 tháng). Sau đó, Công ty đã mua vé cho chị Hạnh về nước mặc dù thời hạn lao động tại Nhật Bản chưa hết.

Đối với các nội dung như trên, ông bà chỉ biết thực tế như vậy, không có chứng cứ, tài liệu để chứng minh.

Nay anh H yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả nợ cho vợ chồng anh số tiền là 100.000.000đ thì ông, bà không đồng ý. Vì ông, bà chưa nhận được số tiền của anh H; anh H cũng không chứng minh được số tiền vợ chồng ông, bà vay đã được anh H sử dụng vào mục đích để hỗ trợ cho chị Hạnh đi lao động tại Nhật Bản; bản thân anh H cũng không đảm bảo các điều kiện công việc như đã hứa hẹn trước với gia đình ông, bà.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Việt H, buộc vợ chồng ông Bùi Văn L và bà Lê Thị Kh phải trả cho vợ chồng anh H, chị Ninh số tiền 100.000.000đ; không phải trả lãi.

- Về án phí: ông L, bà Kh phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Việt H khởi kiện vợ chồng ông Bùi văn L, yêu cầu trả nợ khoản tiền đã vay, bị đơn có nơi cư trú tại xã CD, huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện VT theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ninh là chị Hoàng Thị Thuận vắng mặt tại phiên tòa NH có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Thuận.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án xác định chị Bùi Thị Hạnh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. NH tại phiên tòa xét thấy: chị Hạnh không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do vậy, HĐXX không đưa chị Hạnh vào tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 25/4/2021 giữa anh Hoàng Việt H và vợ chồng ông Bùi Văn L đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản. Việc xác lập hợp đồng được thể hiện bằng văn bản với nội dung: anh H cho vợ chồng ông L vay số tiền 100.000.000đ để lấy tiền lo chi phí cho con gái ông bà đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; nội dung của hợp đồng cũng xác định việc vợ chồng ông L đã nhận đủ tiền vay; các bên còn thỏa thuận lãi suất vay theo quy định của ngân hàng tại thời điểm vay; thời hạn trả nợ cuối cùng là 30/4/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông L thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu điểm chỉ trong hợp đồng vay tài sản là do mình thực hiện. NH ông bà không đồng ý trả nợ là vì: ông bà cho rằng không nhận được số tiền trên; số tiền 100.000.000đ sau đó được anh H chuyển cho công ty môi giới để đưa con gái ông bà sang Nhật Bản lao động; anh H cam kết mức l là khoảng 30 triệu/01 tháng, thời hạn lao động là 03 năm; nH con gái ông bà sang đó lao động được 07 tháng thì phải quay về Việt Nam; điều kiện lao động và thu nhập không đúng như anh H đã hứa.

Mặc dù ông L, bà Kh đưa ra các lý do như vậy, nH ông bà lại không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc chưa nhận tiền từ anh H. Hơn nữa, nếu việc đi lao động tại Nhật Bản của con gái ông bà không đúng, thì ông bà L hoặc con gái mình phải phát sinh tranh chấp với công ty đã đưa con gái ông bà đi lao động, và đó là một giao dịch khác.

Việc vợ chồng ông L vay anh H số tiền 100.000.000đ nH vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H. Cần buộc vợ chồng ông bà phải trả cho anh H khoản tiền trên.

Số tiền 100.000.000đ cho vay là tài sản chung của anh H và vợ là chị Nguyễn Thị Ninh. Do vậy, khi buộc vợ chồng ông L trả nợ thì cần tuyên trả cho vợ chồng anh H.

[7] Về án phí: Anh Hoàng Việt H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên không phải chịu án phí sơ thẩm, cần trả lại cho anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Bùi Văn L và bà Lê Thị Kh phải trả cho anh H số tiền 100.000.000đ nên phải liên đới chịu nộp 5.000.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 27; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Việt H về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Buộc ông Bùi Văn L và bà Lê Thị Kh phải liên đới thanh toán, trả nợ cho anh Hoàng Việt H và chị Nguyễn Thị Ninh số tiền 100.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Việt H, chị Nguyễn Thị Ninh có yêu cầu thi hành án mà ông Bùi Văn L, bà Lê Thị Kh không trả đủ số tiền 100.000.000đ theo quyết định nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông ông Bùi Văn L, bà Lê Thị Kh phải liên đới chịu nộp 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Hoàng Việt H 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000326 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã CD (niêm yết);
- Các đương sự; người đại diện;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công